

Chuyên đề Ninh : chỉ đạo HTTC Tuyên truyền.

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**  
**VỀ SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
**TỈNH HUNG YÊN, GIAI ĐOẠN 2023-2025**

## I. KHÁI QUÁT VỀ CẤP XÃ VÀ SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

### 1. Khái quát

- Tính đến tháng 04/2023, Việt Nam có 10.598 ĐVHC cấp xã (gồm xã, phường, thị trấn) trong đó có 614 thị trấn, 1.737 phường, 8.247 xã. Tỉnh Hưng Yên có 161 ĐVHC cấp xã gồm: 14 phường, 8 thị trấn, 139 xã (9 cấp xã loại I, 83 cấp xã loại II và 69 cấp xã loại III).

- Sắp xếp ĐVHC nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; đảm bảo hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Trước thực trạng các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có quy mô nhỏ, nhiều đơn vị không đảm bảo tiêu chuẩn quy định, nhất là cấp huyện, cấp xã làm phân tán nguồn lực, không khai thác được hết tiềm năng của địa phương, không gian phát triển bị chia cắt, gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội tầm vĩ mô cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển bền vững, Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" đã đề ra nhiệm vụ: "Từng bước sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật; khuyến khích nhập, tăng quy mô các ĐVHC các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương".

Trên cơ sở Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 24/12/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, trong đó xác định rõ quan điểm chỉ đạo về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã phải đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ; thực hiện cho từng giai đoạn, mỗi giai đoạn có trọng tâm, cách làm phù hợp, chặt chẽ, thận trọng, hiệu quả, chắc chắn, nơi đã rõ, có điều kiện thuận lợi thì làm trước; phù hợp với quy hoạch tổng thể, yêu cầu phát triển; bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, không gây xáo trộn lớn.

Đồng thời, Nghị quyết 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu tổng quát của việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã là nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của đất nước; bảo đảm hoàn thiện thể chế về ĐVHC, bộ máy của hệ thống chính trị

2

ting gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần phát huy mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2030 các ĐVHC cấp huyện, cấp xã được sắp xếp cơ bản phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN. Mục tiêu là đến năm 2021 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã chưa đạt 50% cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; từ năm 2022-20230, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2019-2021, xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã phù hợp với quy hoạch tổng thể ĐVHC.

## 2. Nguyên nhân, lí do

2.1. Việc tổ chức hợp lý ĐVHC phù hợp với đặc điểm lịch sử truyền thống và các đặc trưng vùng miền, khả năng quản lý của các cấp chính quyền, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước là yêu cầu đặt ra đối với chính quyền địa phương các cấp.

2.2. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

2.3. Giúp tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế, mở rộng không gian phát triển, tăng cường liên kết vùng; tạo thuận lợi phát huy nguồn lực đất đai, điều kiện tự nhiên, nguồn nhân lực và thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển mới, thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao quản lý Nhà nước.

Trong thời gian qua, nhất là giai đoạn 2019-2021, việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Chính phủ đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, đã thực hiện sắp xếp đối với 21 ĐVHC cấp huyện thuộc 08 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giảm 08 đơn vị (từ 713 đơn vị còn 705 đơn vị, tỷ lệ giảm là 1,12%) và thực hiện sắp xếp đối với 1.056 ĐVHC cấp xã thuộc 45 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giảm 561 đơn vị (từ 11.160 đơn vị còn 10.599 đơn vị, tỷ lệ giảm 5,03%). Theo đó, đến hết tháng 4/2022, ở cấp huyện đã sắp xếp, giải quyết được 291/706 cán bộ, công chức dôi dư (đạt 41,22%); ở cấp xã đã sắp xếp, giải quyết được 6.657/9.705 cán bộ, công chức dôi dư (đạt 68,59%). Số lượng biên chế cán bộ, công chức giảm sau khi sắp xếp ĐVHC (do nghỉ hưu trước tuổi, thực hiện tinh giản biên chế) ở cấp xã là 3.595 người, ở cấp huyện là 141 người, đã góp phần cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế.

ĐVHC các cấp ở Việt Nam thời gian qua đã bước đầu được tổ chức, sắp xếp lại cho phù hợp với từng giai đoạn của lịch sử và tình hình thực tiễn. Tuy nhiên, đến nay việc tổ chức các ĐVHC ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế, bất

cấp, số ĐVHC cả 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) có quy mô nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số còn nhiều (chỉ có 13/63 tỉnh, 121/705 ĐVHC cấp huyện và 2001/10.599 ĐVHC cấp xã đạt tiêu chuẩn theo quy định), chi cho hoạt động của bộ máy hành chính, xây dựng, sửa chữa trụ sở, mua sắm phương tiện và trang thiết bị làm việc còn chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi ngân sách nhà nước. Kết quả thực hiện giai đoạn 2019-2021 chỉ mới bước đầu thực hiện chủ trương của Đảng về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương các cấp, tinh giản biên chế đối với số người hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách nhà nước.

Nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên và để tiếp tục thực hiện các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội và thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì việc thực hiện sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2030 nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC các cấp là cần thiết.

## **II. CĂN CỨ THỰC HIỆN SẮP XẾP**

### **1. Các văn bản của Đảng**

1.1. Văn kiện tại Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã và nghiên cứu triển khai thực hiện ở cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể ĐVHC các cấp”.

1.2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6, khóa XII đã xác định: “Từ năm 2021 đến năm 2030, cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các ĐVHC, cấp xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định”.

1.3. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị đã đề ra mục tiêu: “Từ năm 2022-2030, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện giai đoạn 2019-2021, xác định lộ trình thực hiện để đến năm 2030 cơ bản hoàn thành việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã phù hợp với quy hoạch tổng thể ĐVHC”.

1.4. Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra mục tiêu: “Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5-1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9-2,3%”.

1.4. Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030.

1.5. Kế hoạch số 194-KH/TU ngày 24/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị;

1.6. Kết luận số 671-KL/TU ngày 31/5/2023 của Hội nghị lần thứ 22 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về điều chỉnh phương án quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

1.7. Chỉ thị số 51-CT/TU ngày 28/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025;

1.8. Thông báo số 1289-TB/TU ngày 28/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án quy hoạch ĐVHC tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050; Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025;

1.9. Kết luận số 731-KL/TU ngày 15/01/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025.

1.10. Hướng dẫn số 12-HD/TU ngày 01/02/2024 của Tỉnh ủy hướng dẫn một số nội dung thực hiện sắp xếp tổ chức, cán bộ, công chức khối Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở những địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2030.

## **2. Quy định của Nhà nước**

2.1. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC phải lấy ý kiến Nhân dân địa phương và theo trình tự, thủ tục do luật định”.

2.2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã quy định: “Khuyến khích việc nhập ĐVHC cùng cấp. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các ĐVHC không đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật”.

2.3. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã nêu: “Từng bước thực hiện sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính các ĐVHC cấp huyện, cấp xã bảo đảm đúng tiêu chí quy định”.

2.4. Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã có những quy định mới tạo tiền đề pháp lý cho việc tiếp tục sắp xếp ĐVHC các cấp giai đoạn 2022-2030.

2.5. Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã.

2.6. Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

2.7. Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 10/8/2023 thực hiện Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị quyết số 117/NQ-CP của Chính phủ;

2.8. Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 731-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

2.9. Hướng dẫn số 97/HD-SNV ngày 10/10/2023 của Sở Nội vụ hướng dẫn việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và việc công nhận đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Anh hùng Lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030;

2.10. Hướng dẫn số 06/HD-SNV ngày 04/01/2024 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan về sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2035 trên địa bàn tỉnh

2.11. Công văn 1020/STP-HCTP ngày 29/8/2023 của Sở Tư pháp về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

2.12. Công văn số 1558/STC-HCSN ngày 28/9/2023 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030

2.13. Kế hoạch số 271/KH-SXD ngày 18/9/2023 của Sở Xây Dựng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của UBTVQH và Nghị quyết số 117/NQ-CP về tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025.

### **3. Căn cứ thực tiễn**

3.1. Trước Đại hội XII của Đảng (năm 2016), Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần thực hiện chủ trương sắp xếp, chia tách, thành lập mới ĐVHC các cấp nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển đất nước, phát huy được tiềm năng, lợi thế của các địa phương, thúc đẩy quá trình đô thị hóa phù hợp với năng lực và trình độ quản lý nhà nước của các cấp chính quyền trong mỗi thời kỳ. Tuy nhiên, tính trong giai đoạn 26 năm (1989-2015), cả nước đã tăng 19 ĐVHC cấp tỉnh (bình quân tăng 0,73 đơn vị/năm), tăng 176 ĐVHC cấp huyện (bình quân tăng 6,77 đơn vị/năm) và tăng 1.141 ĐVHC cấp xã (bình quân tăng 43,88 đơn vị/năm). Sự biến động tăng mạnh về số ĐVHC các cấp ở nước ta nêu trên đã làm tăng tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức, viên chức và tăng chi ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nói chung, kết quả cải cách hành chính nói riêng và chưa phù hợp với xu hướng chung hiện nay của thế giới là hợp nhất, liên kết các ĐVHC để phát triển vùng và liên vùng.

3.2. Kết quả sau hơn 02 năm thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021 đã đạt

được nhiều kết quả tích cực, được dư luận và Nhân dân đồng tình ủng hộ, đánh giá cao, cần phát huy các kết quả đạt được, cách làm đúng đắn đã được thực tiễn kiểm nghiệm để tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

3.3. Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng địa phương đang đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp ĐVHC các cấp trên cơ sở điều chỉnh, hợp nhất các ĐVHC nhằm tạo dư địa và không gian phát triển mới đối với từng ĐVHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ, HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SẮP XẾP GIAI ĐOẠN 2019-2021**

#### **1. Kết quả của cả nước**

Theo khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban TVQH quy định giai đoạn 2019-2021:

“ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp là ĐVHC có diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.”

Việc sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2019-2021 đã bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Lần đầu tiên trong lịch sử từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đến nay nước ta mới có cuộc tổng rà soát, sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã quy mô lớn trên toàn quốc như giai đoạn 2019-2021 vừa qua. Kết quả sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã không chỉ góp phần tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố như chủ trương của Đảng đã đề ra mà còn mở rộng được không gian phát triển các ĐVHC sau sắp xếp, tập trung được nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của các địa phương để phát triển bền vững, cụ thể là:

1.1. Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã giúp tinh gọn một bước tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị được tinh giản tương ứng với số lượng ĐVHC cấp huyện, cấp xã giảm được (gồm 08 đơn vị cấp huyện và 561 đơn vị cấp xã). Sau khi sắp xếp, trên cả nước đã giảm được 3.437 cơ quan, tổ chức ở cấp xã và 429 cơ quan, tổ chức ở cấp huyện. Việc sắp xếp ĐVHC đã tạo ra thay đổi tích cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, tiết kiệm chi ngân sách.

1.2. Thông qua việc sắp xếp ĐVHC đã thực hiện tinh giản biên chế đáng kể ở các địa phương. Cụ thể, đã giảm được 291/2.411 cán bộ, công chức cấp huyện; 6.657/20.417 cán bộ, công chức cấp xã và 7.837/13.893 người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

1.3. Sắp xếp ĐVHC góp phần cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, sàng lọc một bước gắn với nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức tại những ĐVHC thực hiện sắp xếp. Đối với những người không đủ điều kiện tiêu chuẩn, không đáp ứng được yêu cầu tình hình mới thì được thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

1.4. Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã giảm được chi ngân sách nhà nước, góp phần tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp trang thiết bị làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Theo đó, đã tiết kiệm chi ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2019-2021 khoảng 2.008,63 tỷ đồng, trong đó giảm chi của chính quyền cấp huyện, cấp xã là 1.132,63 tỷ đồng (gồm: giảm chi tiền lương và phụ cấp là 787,84 tỷ đồng; giảm chi hoạt động là 344,79 tỷ đồng) và giảm chi phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố khoảng 876 tỷ đồng. Qua đó, đã có thêm nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện chiến lược xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị, góp phần thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

1.5. Sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giúp các ĐVHC tập trung được nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có của địa phương để mở rộng không gian phát triển, tạo thuận lợi để thu hút các dự án đầu tư hạ tầng giao thông, đô thị, thương mại, dịch vụ, tăng cường kết nối và giao thương giữa các địa phương; tạo điều kiện thuận lợi trong việc sắp xếp hợp lý, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương về nguồn lực đất đai, điều kiện tự nhiên và nguồn nhân lực cũng như nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường quản lý nhà nước, đảm bảo quốc phòng, an ninh, phù hợp với nguyện vọng của các cấp ủy, đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương. Các ĐVHC thực hiện sắp xếp đã tạo nên sự cân đối, hài hòa hơn trong phân bố dân cư, lãnh thổ, trong định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương, hạn chế tình trạng chia cắt, manh mún, đầu tư dàn trải, nhất là trong bối cảnh Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cấp chính quyền địa phương.

1.6. Sắp xếp ĐVHC góp phần phát triển đô thị và nâng cao tỷ lệ đô thị hóa ở mỗi địa phương và trong cả nước; tạo thuận lợi cho công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ theo hướng đô thị văn minh, hiện đại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đồng thời, là động lực quan trọng làm thay đổi quá trình phát triển và phân bố lực lượng sản xuất theo hướng giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế vùng nông thôn ngoại thành, ngoại thị, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa đồng bằng và miền núi; có điều kiện để tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng kết nối giao thông liên kết liên xã, liên huyện.

1.7. Sau khi thực hiện sắp xếp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị ở địa phương thực hiện sắp xếp ĐVHC vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ,

có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không phát sinh khiếu nại, tố cáo do việc sắp xếp ĐVHC. Việc sắp xếp ĐVHC giúp mở rộng diện tích tự nhiên, địa giới hành chính nên việc bố trí các cụm bản làng chiến đấu, căn cứ chiến đấu, xây dựng khu vực phòng thủ có nhiều thuận lợi, ngày càng được củng cố, kiện toàn vững chắc hơn. Việc thành lập, tổ chức lại Công an phường, thị trấn đối với các phường, thị trấn được sắp xếp; triển khai lực lượng Công an chính quy tại các xã, thị trấn được quan tâm thực hiện kịp thời. Hoạt động quản lý nhà nước tiếp tục được bảo đảm ổn định, không có gián đoạn, cắt khúc, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo phát sinh do việc sắp xếp ĐVHC.

Giai đoạn 2019-2021, tỉnh Hưng Yên không có ĐVHC thuộc diện sắp xếp theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

## 2. Kết quả thực hiện của các tỉnh đồng bằng sông Hồng

### Kết quả sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã 10 tỉnh ĐBSH giai đoạn 2019-2021

TT	Tên tỉnh, TP	Số ĐVHC phải sắp xếp		
		Tổng	Cấp huyện	Cấp xã
	<b>Tổng</b>	<b>165</b>	<b>2</b>	<b>163</b>
1	Thành phố Hà Nội	10	0	10
2	Thành phố Hải Phòng	12	0	12
3	Quảng Ninh	18	2	16
4	Hải Dương	53	0	53
5	Vĩnh Phúc	2	0	2
6	Hà Nam	12	0	12
7	Nam Định	6	0	6
8	Ninh Bình	5	0	5
9	Thái Bình	47	0	47
10	Bắc Ninh	0	0	0
11	Hưng Yên	0	0	0

Giai đoạn 2019 -2021, tỉnh Bắc Ninh và Hưng Yên không thực hiện sắp xếp ĐVHC; 9 tỉnh đồng bằng sông Hồng còn lại sắp xếp 02 ĐVHGC cấp huyện và 163 ĐVHC cấp xã.

## IV. QUY ĐỊNH VỀ SẮP XẾP ĐVHC GIAI ĐOẠN 2023-2030

### 1. ĐVHC cấp huyện, cấp xã thuộc diện sắp xếp

Theo Kết luận số 48-KL/TW và quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, tiêu chuẩn điều kiện thực hiện sắp xếp ĐVHC như sau:

#### 1.1. Giai đoạn 2023-2025

- ĐVHC cấp huyện:



+ Trường hợp 1: Có đồng thời cả hai tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% so với quy định (Huyện: diện tích dưới 220,5 km<sup>2</sup>, dân số dưới 84.000 người; thị xã: diện tích dưới 140 km<sup>2</sup>, dân số dưới 70.000 người; thành phố: diện tích dưới 105 km<sup>2</sup>, dân số dưới 105.000 người).

+ Trường hợp 2: Có diện tích tự nhiên đạt tỷ lệ dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% so với quy định (Huyện: diện tích dưới 63 km<sup>2</sup>, dân số dưới 240.000 người; thị xã: diện tích dưới 40 km<sup>2</sup>, dân số dưới 200.000 người; thành phố: diện tích dưới 30 km<sup>2</sup>, dân số dưới 300.000 người).

- ĐVHC cấp xã:

+ Trường hợp 1: Có đồng thời cả hai tiêu chuẩn về tỷ lệ diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% so với quy định (Xã: diện tích dưới 14,7 km<sup>2</sup>, dân số dưới 5.600 người. Thị trấn: diện tích dưới 9,8 km<sup>2</sup> và dân số dưới 5.600 người; phường thuộc thị xã: diện tích dưới 3,85 km<sup>2</sup>, dân số dưới 3.500 người; phường thuộc thành phố: diện tích dưới 3,85 km<sup>2</sup>, dân số dưới 4.900 người).

+ Trường hợp 2: Có diện tích tự nhiên đạt tỷ lệ dưới 20% và quy mô dân số tỷ lệ dưới 300% so với quy định (Xã: diện tích dưới 4,2 km<sup>2</sup>, dân số dưới 24.000 người, thị trấn: diện tích dưới 2,8 km<sup>2</sup>, dân số dưới 24.000 người, phường thuộc thị xã: diện tích dưới 1,1 km<sup>2</sup>, dân số dưới 15.000 người, phường thuộc thành phố: diện tích dưới 1,1 km<sup>2</sup>, dân số dưới 21.000 người).

## 1.2. Giai đoạn 2026-2030

- ĐVHC cấp huyện:

+ Trường hợp 1: Có đồng thời cả hai tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% so với quy định (Huyện: diện tích dưới 315 km<sup>2</sup>, dân số dưới 120.000 người; thị xã: diện tích dưới 200 km<sup>2</sup>, dân số dưới 100.000 người, thành phố: diện tích dưới 150 km<sup>2</sup>, dân số dưới 150.000 người).

+ Trường hợp 2: Có diện tích tự nhiên đạt tỷ lệ dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% so với quy định (Huyện: diện tích dưới 94,5 km<sup>2</sup>, dân số dưới 240.000 người; thị xã: diện tích dưới 60 km<sup>2</sup>; dân số dưới 200.000 người; thành phố: diện tích dưới 45 km<sup>2</sup>, dân số dưới 300.000 người).

- ĐVHC cấp xã:

+ Trường hợp 1: Có đồng thời cả hai tiêu chuẩn về tỷ lệ diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% so với quy định (Xã: diện tích dưới 21 km<sup>2</sup>, dân số dưới 8.000 người; thị trấn: diện tích dưới 14 km<sup>2</sup>, dân số dưới 8.000 người; phường thuộc thị xã: diện tích dưới 5,5 km<sup>2</sup>, dân số dưới 5.000 người; phường thuộc thành phố: diện tích dưới 5,5 km<sup>2</sup>, dân số dưới 7.000 người).

+ Trường hợp 2: Có diện tích tự nhiên đạt tỷ lệ dưới 30% và quy mô dân số tỷ lệ dưới 300% so với quy định (Xã: diện tích dưới 6,3 km<sup>2</sup>, dân số dưới 24.000 người; thị trấn: diện tích dưới 4,2 km<sup>2</sup>, dân số dưới 24.000 người; phường thuộc thị xã: diện tích dưới 1,65 km<sup>2</sup>, dân số dưới 15.000 người; phường thuộc thành phố: diện tích dưới 1,65 km<sup>2</sup>, dân số dưới 21.000 người).

## 2. Các trường hợp ĐVHC không bắt buộc sắp xếp

Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ĐVHC thuộc diện sắp xếp nhưng có một trong các yếu tố đặc thù sau đây thì không bắt buộc thực hiện sắp xếp:

a) Có vị trí biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề;

b) Có địa giới đơn vị hành chính đã hình thành ổn định và từ năm 1945 đến nay chưa có thay đổi, điều chỉnh lần nào;

c) Có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh hoặc có đặc điểm về truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán riêng biệt mà nếu sắp xếp với ĐVHC liền kề khác sẽ dẫn đến mất ổn định về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Đơn vị hành chính nông thôn thuộc diện sắp xếp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển thành ĐVHC đô thị trong giai đoạn 2023 - 2030, có diện tích tự nhiên và quy mô dân số đạt tiêu chuẩn của ĐVHC đô thị theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại đơn vị hành chính.

đ) Trong giai đoạn 2023 - 2025 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021.

e) Trong giai đoạn 2026 - 2030 không bắt buộc thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã đã được sắp xếp trong giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2023 - 2025.

g) Đối với trường hợp quy định nêu trên, nếu địa phương thấy cần thực hiện sắp xếp để tổ chức hợp lý ĐVHC cấp huyện, cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tại phương án tổng thể và đề án.

## 3. Tiêu chuẩn ĐVHC nông thôn phát triển thành ĐVHC đô thị

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “Trường hợp thành lập ĐVHC đô thị trên cơ sở nguyên trạng 01 ĐVHC cùng cấp hoặc điều chỉnh địa giới các ĐVHC để thành lập ĐVHC đô thị mà không làm thay đổi số lượng ĐVHC thì diện tích tự nhiên của các ĐVHC sau khi thành lập, điều chỉnh địa giới ĐVHC có thể thấp hơn nhưng tối thiểu phải đạt 50% tiêu chuẩn của ĐVHC tương ứng;”.

Căn cứ quy định trên, các ĐVHC nông thôn cấp huyện, cấp xã được quy hoạch trở thành ĐVHC đô thị, phải có diện tích bằng 50% diện tích ĐVHC đô thị tương ứng.

## V. THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC GIAI ĐOẠN 2023-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN

1. Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hưng Yên từ năm 1945 đến nay:

Hưng Yên là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử lâu đời. Tỉnh Hưng Yên nguyên thuộc thừa tuyên Sơn Nam đặt vào năm Quang Thuận thứ 10 đời nhà Lê (1466). Đến năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) thì chia thành Sơn Nam Thượng và Sơn Nam Hạ. Đời nhà Nguyễn năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), Sơn Nam Thượng được đổi thành trấn Sơn Nam còn Sơn Nam Hạ thì gọi là trấn Nam Định. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), tỉnh Hưng Yên được thành lập gồm các huyện Đông Yên, Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Dung của trấn Sơn Nam và Thần Khê, Hung Nhân, Duyên Hà của trấn Nam Định (các huyện Thần Khê, Duyên Hà và Hung Nhân sau cắt về tỉnh Thái Bình mới thành lập). Vùng đất Hưng Yên đã nổi danh từ thời kỳ Trịnh - Nguyễn trước đó với Phố Hiến, vốn là thương cảng đô hội quan trọng bậc nhất ở Đàng Ngoài, dân gian đã có câu “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến”.

Vào thế kỷ thứ 16, 17 (thời nhà Hậu Lê), khu vực tỉnh Hưng Yên ngày nay thuộc trấn Sơn Nam. Sơn Nam lúc bấy giờ bao gồm phần lớn các tỉnh: Hung Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Tây (cũ). Năm 1831 - niên hiệu Minh Mạng 12, triều đình Huế thực hiện một cuộc cải cách hành chính lớn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, trong đó có việc xóa bỏ các đơn vị tổng, trấn,... và chia cả nước lại thành 30 tỉnh. Tỉnh Hung Yên được thành lập gồm 02 phủ: Phủ Khoái Châu (Đông Yên, Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ) và Phủ Tiên Hưng (Thần Khê, Hung Nhân, Duyên Hà, Tiên Lữ). Trung tâm tỉnh lỵ được đặt tại khu vực Xích Đằng (phường Lam Sơn, thành phố Hung Yên ngày nay).

### a) Giai đoạn 1945 - 1975

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Hưng Yên vẫn là một đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc Ủy ban hành chính Bắc Bộ. Ngày 15/8/1946, Ủy ban Hành chính Bắc Bộ ra Nghị định số 1216 về việc thành lập thị xã Hưng Yên trên cơ sở 2 khu phố: Đầu Lĩnh, Đằng Châu.

- Để phù hợp với điều kiện mới, ngày 6/6/1947, Liên bộ Nội vụ - Quốc phòng ban hành Nghị định số 79-NV-QP/NgĐ chỉ rõ về phương diện kháng chiến và hành chính, huyện Văn Giang trước thuộc tỉnh Bắc Ninh - Khu XII, nay thuộc Khu III. Huyện Văn Lâm trước thuộc tỉnh Hung Yên - Khu III, nay thuộc Khu XII. Tuy nhiên, để thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, ngày 20/10/1947, Liên bộ Nội vụ - Quốc phòng ban hành Nghị định số 167-NV-QP/NgĐ quy định huyện Văn Lâm trước thuộc quyền của Ủy ban kháng chiến Khu XII nay sáp nhập vào tỉnh Hung Yên - Khu III.

- Ngày 28/11/1948, Chủ tịch nước ban hành Sắc lệnh số 263-SL sáp nhập huyện Gia Lâm (kể cả xã Ngọc Thụy) thuộc tỉnh Bắc Ninh vào tỉnh Hưng Yên. Do yêu cầu trong tình hình mới, ngày 17/11/1949, Chủ tịch nước ban hành Sắc lệnh số 127/SL đưa toàn bộ huyện Gia Lâm và xã Ngọc Thụy trở lại tỉnh Bắc Ninh. Tỉnh Hưng Yên lúc bấy giờ có 10 huyện, thị xã (Hưng Yên, Văn Giang, Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Khoái Châu, Ân Thi, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ) và 117 xã.

- Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng.

#### b) Giai đoạn 1975 - 1997

- Sau năm 1975, thị xã Hưng Yên là thị xã thứ hai của tỉnh Hải Hưng (sau thị xã Hải Dương), với 03 ĐVHC cấp xã gồm 02 phường (Lê Lợi, Minh Khai) và 01 xã (Hồng Châu).

- Ngày 11/3/1977, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 58-CP về việc hợp nhất một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Văn Giang và huyện Yên Mỹ thành huyện Văn Yên; hợp nhất huyện Văn Lâm và huyện Mỹ Hào thành huyện Văn Mỹ; hợp nhất huyện Tiên Lữ và huyện Phù Cừ thành huyện Phù Tiên.

- Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành huyện Kim Thi; hợp nhất huyện Văn Mỹ và một phần huyện Văn Yên thành huyện Mỹ Văn; hợp nhất phần còn lại của huyện Văn Yên và huyện Khoái Châu thành huyện Châu Giang.

- Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, mở rộng thị xã Hưng Yên gồm các xã, thôn: xã Lam Sơn và xã Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi); thôn Phương Độ của xã Hồng Nam, các thôn Nam Tiến, Mậu Dương (trừ xóm Châu Dương) của xã Quảng Châu thuộc huyện Phù Tiên (nay là 2 huyện Phù Cừ và Tiên Lữ) vào thị xã Hưng Yên.

- Năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định 56-CP về việc thành lập thị trấn Yên Mỹ thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Trai Trang cũ.

- Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 57-CP về việc thành lập thị trấn thuộc huyện Kim Môn và huyện Phù Tiên thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Vương - thị trấn huyện lỵ của huyện Phù Tiên trên cơ sở một phần của xã Ngô Quyền và một phần của xã Dị Chế.

- Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, Ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

- Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nhân khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lăng.

- Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Lúc bấy giờ, tỉnh Hưng Yên có 06 đơn vị hành chính, bao gồm thị xã Hưng Yên và 05 huyện: Ân Thi, Châu Giang, Kim Động, Mỹ Văn, Phù Tiên.

#### c) Giai đoạn 1997 - 2018

- Ngày 24/02/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc chia huyện Phù Tiên, thành lập một số phường, thị trấn thuộc thị xã Hưng Yên và huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Phù Tiên thành huyện Phù Cừ và huyện Tiên Lữ; thành lập các phường thuộc thị xã Hưng Yên, bao gồm: thành lập phường Quang Trung trên cơ sở 48,28 ha diện tích tự nhiên và 7.959 nhân khẩu của phường Lê Lợi; thành lập phường Hiến Nam trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Hiến Nam, với 721,5 ha diện tích tự nhiên và 12.486 nhân khẩu; thành lập phường Hồng Châu trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Hồng Châu, với 383,6 ha diện tích tự nhiên và 5.200 nhân khẩu; thành lập phường Lam Sơn trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của xã Lam Sơn, với 752,9 ha diện tích tự nhiên và 6.515 nhân khẩu.

- Ngày 24/9/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 102-CP về việc thành lập thị trấn Khoái Châu thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Kim Ngưu và 10,13 ha diện tích tự nhiên của xã An Vĩ.

- Ngày 24/7/1999, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/1999/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và chia các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, chia huyện Châu Giang thành 02 huyện Khoái Châu và Văn Giang; chia huyện Mỹ Văn thành 03 huyện Mỹ Hào, Văn Lâm và Yên Mỹ.

- Ngày 22/9/2000, Chính phủ ban hành Nghị định số 50/2000/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, thành lập thị trấn Trần Cao trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Trần Cao.

- Ngày 22/3/2002, Chính phủ ban hành Nghị định 28/2002/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn Lương Bằng - thị trấn huyện lỵ của huyện Kim Động trên cơ sở toàn bộ diện tích và dân số của xã Lương Bằng cũ.

- Ngày 23/9/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2003/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng thị xã, thành lập phường và điều chỉnh địa giới hành chính các phường thuộc thị xã Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó:

+ Điều chỉnh toàn bộ: 541,12 ha diện tích tự nhiên với 8.913 nhân khẩu của xã Trung Nghĩa; 534 ha diện tích tự nhiên với 6.676 nhân khẩu của xã Liên Phương; 362 ha diện tích tự nhiên với 4.034 nhân khẩu của xã Hồng Nam và 830,30 ha diện tích tự nhiên với 7.540 nhân khẩu của xã Quảng Châu thuộc huyện Tiên Lữ; toàn bộ 397,82 ha diện tích tự nhiên và 5.692 nhân khẩu của xã Bảo Khê thuộc huyện Kim Động về thị xã Hưng Yên quản lý.

+ Thành lập phường An Tảo trên cơ sở 322,56 ha diện tích tự nhiên và 8.444 nhân khẩu của phường Hiến Nam.

+ Điều chỉnh 48,76 ha diện tích tự nhiên và 1.565 nhân khẩu của phường Hiến Nam về phường Lê Lợi quản lý.

+ Điều chỉnh 1,40 ha diện tích tự nhiên và 240 nhân khẩu của phường Lê Lợi về phường Hiến Nam quản lý.

+ Điều chỉnh 9,48 ha diện tích tự nhiên và 15 nhân khẩu của phường Lam Sơn về phường Hiến Nam quản lý.

+ Điều chỉnh 0,46 ha diện tích tự nhiên và 40 nhân khẩu của phường Lê Lợi về phường Quang Trung quản lý.

+ Điều chỉnh 1,0 ha diện tích tự nhiên và 120 nhân khẩu của phường Hồng Châu về phường Quang Trung quản lý.

+ Điều chỉnh 166,39 ha diện tích tự nhiên và 1.850 nhân khẩu của phường Hồng Châu về phường Minh Khai quản lý.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thị xã Hưng Yên có 4.680,36 ha diện tích tự nhiên và 76.409 nhân khẩu, với 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 07 phường: Hiến Nam, Lam Sơn, Lê Lợi, Quang Trung, Minh Khai, Hồng Châu, An Tảo và 05 xã: Trung Nghĩa, Liên Phương, Hồng Nam, Quảng Châu, Bảo Khê.

- Ngày 19/01/2009, Chính phủ ban hành Nghị định số 04/NĐ-CP về việc thành lập thành phố Hưng Yên thuộc tỉnh Hưng Yên.

Thành phố Hưng Yên có 4.685,51 ha diện tích tự nhiên và 121.486 nhân khẩu với 12 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 07 phường: Lê Lợi,

Quang Trung, Minh Khai, Lam Sơn, Hiến Nam, An Tảo, Hồng Châu và 05 xã: Quảng Châu, Hồng Nam, Liên Phương, Trung Nghĩa, Bảo Khê.

- Ngày 06/8/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, điều chỉnh 1.188,92 ha diện tích tự nhiên với 10.740 nhân khẩu của huyện Kim Động (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 02 xã: Hùng Cường, Phú Cường) và 1.455 ha diện tích tự nhiên với 15.049 nhân khẩu của huyện Tiên Lữ (gồm toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của 03 xã: Hoàng Hanh, Phương Chiểu, Tân Hưng) về thành phố Hưng Yên quản lý.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, thành phố Hưng Yên có 7.342,07 ha diện tích tự nhiên và 147.275 nhân khẩu, với 17 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 07 phường: An Tảo, Hiến Nam, Lam Sơn, Minh Khai, Lê Lợi, Quang Trung, Hồng Châu và 10 xã: Bảo Khê, Trung Nghĩa, Liên Phương, Hồng Nam, Quảng Châu, Phú Cường, Hùng Cường, Phương Chiểu, Hoàng Hanh, Tân Hưng và tồn tại cho đến ngày nay.

Sau nhiều lần chia tách, hợp nhất, hiện nay, tỉnh Hưng Yên hiện có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 08 huyện (Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mỹ, Kim Động, Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ), 01 thị xã (Mỹ Hào) và 01 thành phố (Hưng Yên); có 161 đơn vị hành chính cấp xã (14 phường, 8 thị trấn, 139 xã).

Hưng Yên có hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể phong phú và đa dạng, mang đậm nét bản sắc văn hóa riêng của tỉnh và Vùng đồng bằng sông Hồng. Tỉnh hiện có khoảng 1.802 di tích, trong đó có 3 di tích, khu di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt; 175 di tích, cụm di tích xếp hạng cấp quốc gia; 260 di tích, cụm di tích xếp hạng cấp tỉnh; 06 hiện vật, nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Trong đó, có những quần thể, cụm di tích có giá trị lớn về văn hóa, lịch sử có khả năng phục vụ việc phát triển du lịch của tỉnh như Khu di tích Phố Hiến, thành phố Hưng Yên; làng Nôm, chùa Nôm, xã Lạc Đạo, chùa Thái Lạc, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm; đền Đa Hòa, xã Bình Minh, đền Dạ Trạch, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu; đền An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ; đền Ứng, xã Phù Ứng, huyện Ân Thi; cụm di tích Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ; di tích đền Tổng Trân, xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ,...

Hưng Yên cũng lưu giữ được kho tàng văn hóa phi vật thể phong phú với hơn 500 lễ hội truyền thống, nhiều lễ hội có quy mô lớn, đặc sắc, trong đó có 02 lễ hội truyền thống và 01 loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian (Hát Trống quân Dạ Trạch) được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 147 làng nghề truyền thống,... Đây là những di sản quý báu, là cốt lõi của bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng của Vùng đồng bằng sông Hồng.

## 2. Về kinh tế xã hội

Tỉnh Hưng Yên chính thức được tái lập ngày 01/01/1997 sau 29 năm hợp nhất với tỉnh Hải Dương. Khi mới tái lập, tỉnh có 6 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã với 160 xã, phường, thị trấn; diện tích của tỉnh là 923,45km<sup>2</sup>, dân số là 1.051.420 người. Đến nay tỉnh Hưng Yên có 1 thành phố, 8 huyện, 1 thị xã với 161 xã, phường, thị trấn, với diện tích 930,2 km<sup>2</sup>.

Kinh tế của tỉnh khi mới tái lập còn gặp nhiều thách thức, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn ... dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của UBND tỉnh; phát huy truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, Đảng bộ và nhân dân Hưng Yên đã xây dựng được một nền tảng kinh tế - xã hội đồng bộ, diện mạo có sự chuyển biến tích cực, toàn diện, sâu sắc. Từ một tỉnh thuần nông, công nghiệp chưa phát triển đã nhanh chóng vươn lên thành một trong 18 tỉnh tự cân đối ngân sách, nền kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ; cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, giao thông nông thôn được cải thiện; hệ thống trường học, cơ sở y tế được kiên cố hóa; hạ tầng khu, cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước vào tỉnh đầu tư; đời sống nhân dân được cải thiện, đảm bảo vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; hạ tầng đô thị được đầu tư hiện đại.

Trong 26 năm sau tái lập tỉnh, mặc dù trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế của tỉnh vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh bình quân giai đoạn 1997-2022 tăng 10,3%/năm, cao hơn tốc độ tăng GDP cả nước.

Bên cạnh việc duy trì tốc độ tăng trưởng khá, một trong những điểm nổi bật trong các thời kỳ phát triển kinh tế của tỉnh là cả 3 khu vực kinh tế đều duy trì tốc độ tăng trưởng cao, đạt và vượt so với mục tiêu đề ra.

Quy mô của nền kinh tế liên tục gia tăng: Năm 1997 tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 2.581 tỷ đồng, đến năm 2022 tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đạt 131.456 tỷ đồng, gấp 50,93 lần năm 1997 và xếp thứ 7/11 tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng, thứ 16/63 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tổng sản phẩm bình quân đầu người có sự tăng trưởng vượt trội, đạt trung bình 16,07%/năm, trong đó: năm 1997 đạt 2,45 triệu đồng, năm 2022 đạt 101,84 triệu đồng, tăng gấp 41 lần so với năm 1997, đã đưa Hưng Yên từ một tỉnh nghèo trở thành một tỉnh có tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt mức khá so với các tỉnh trong khu vực và cả nước.

Kinh tế của tỉnh tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 13,4%, đây là mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm trở lại đây. Tăng trưởng của từng ngành đều vượt kế hoạch đề ra, trong đó: Tỷ trọng khu vực



công nghiệp, xây dựng tăng gấp hơn 2 lần từ 20,26% năm 1997 lên 49,13% năm 2015, tỷ trọng các ngành dịch vụ tăng từ 27,87% lên 37,33%; tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp tăng đã tạo ra sự thay đổi khá mạnh mẽ giữa các ngành; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 10,5% (năm 2022 đạt 338 nghìn tỷ đồng, gấp 281 lần so với năm 1997); Giá trị sản xuất xây dựng tăng 41,52%; Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 19,32%; Nông nghiệp, thủy sản duy trì mức tăng trưởng 2,5%.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng gia tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; So với năm 1997 bình quân thu nhập đầu người đạt hơn 24 triệu đồng, tăng hơn 6 lần vào năm 2011; GRDP bình quân đầu người 102,3 triệu đồng, đạt 107,68% kế hoạch, tăng 16,1% so với năm 2021; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 57.618 tỷ đồng, tăng 45,53% so năm 2021; Năng suất lao động ước đạt 196 triệu đồng/lao động, tăng 11,8% so với năm 2021.

Đáng chú ý, thu ngân sách của tỉnh tăng đột biến. Tổng thu ngân sách năm 1997 đạt 103,5 tỷ đồng; năm 2016 ước đạt 9.451 tỷ đồng, tăng 91,76 lần so với năm 1997; năm 2022 đạt 51.410 tỷ đồng, gấp 496,7 lần so với năm 1997, tăng 2,67 lần so với năm 2021; Tổng chi ngân sách 16.069,6 tỷ đồng, đạt 88,6% dự toán.

Kết quả năm 2023, tỉnh Hưng Yên đã hoàn thành toàn diện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu đề ra: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 10,05%, vượt kế hoạch đề ra, là tỉnh có mức tăng trưởng cao thứ 4/11 tỉnh đồng bằng sông Hồng và cao thứ 7/63 tỉnh thành cả nước; qui mô nền kinh tế đạt 143.623 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp, dịch vụ: Công nghiệp, xây dựng chiếm 61,66%; Thương mại, dịch vụ chiếm 31,24%; Nông nghiệp, thủy sản giảm còn 7,09%. GRDP bình quân đầu người 110,4 triệu đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội vượt kế hoạch đề ra, đạt 68.029 tỷ đồng, tăng 23,33% so năm 2022. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ đạt 110.287 tỷ đồng, tăng 75,44% so với cùng kỳ năm trước. Thu ngân sách 32.443 tỷ đồng, đạt 141,5% so với dự toán giao. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,86%. Văn hóa xã hội tiếp tục có tiến bộ, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo ổn định, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Nổi bật là:

(1) Về thu hút đầu tư: Toàn tỉnh thu hút được 100 dự án đầu tư mới (tăng 14 số dự án so với cùng kỳ năm 2022); trong đó có 44 dự án trong nước (giảm 22 dự án so với cùng kỳ năm 2022) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 12.019 tỷ đồng (giảm 11.055 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022), 56 dự án nước ngoài (tăng 36 dự án so với cùng kỳ năm 2022) với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 739,9 triệu USD (tăng 524,5 triệu USD so với cùng kỳ năm 2022).

(2) Về xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông đã góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đặc biệt trong năm 2023 dự kiến

sẽ hoàn thành giai đoạn 2 tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng với cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình.

(3) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước tính đến ngày 31/12/2023 nếu trừ thu tiền sử dụng đất, thu nội địa đạt 22.927 tỷ đồng, vượt 147,3% dự toán và tăng 67,5% so với cùng kỳ; vượt thu đối với nguồn thu có cơ cấu lớn nhất là thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (chiếm 53,2% thu nội địa) vượt 259,6% dự toán và tăng 197,1% so với cùng kỳ năm trước.

(4) Về thực hiện kế hoạch đầu tư công: Kết quả đến 31/12/2023 tỉnh Hưng Yên đã giải ngân được trên 13.641 tỷ đồng, đạt 113,6% kế hoạch; dự kiến đến hết niên độ ngân sách năm 2023 sẽ giải ngân được trên 14.000 tỷ đồng, đạt trên 116% kế hoạch Thủ tướng giao.

### **3. Định hướng, chủ trương sắp xếp ĐVHC gắn với quy hoạch đô thị**

**3.1.** Tập trung triển khai, thực hiện đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ công tác tổ chức, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2023-2030, trong đó:

- Giai đoạn 2023-2025: Hoàn thành việc tổ chức, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Hoàn thành quy hoạch chung tỉnh Hưng Yên, xây dựng đô thị đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã đến năm 2030, 2037 và định hướng năm 2050. Điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch khác có liên quan và chương trình phát triển đô thị của huyện, thị xã, thành phố.

- Giai đoạn 2026-2030: Hoàn thành tổ chức, sắp xếp các ĐVHC cấp xã còn lại có đồng thời 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

**3.2.** Thực hiện quy hoạch đơn vị hành chính - đô thị cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

- Đến năm 2030, tỉnh Hưng Yên cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương, gồm 05 thành phố: Hưng Yên, Mỹ Hào, Văn Giang, Văn Lâm và Yên Mỹ; 02 thị xã: Khoái Châu, Kim Động và 03 huyện: Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ.

- Đến năm 2037, tỉnh Hưng Yên trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại I) với 03 quận: Phố Hiến (phát triển trên cơ sở nâng cấp và đổi tên từ thành phố Hưng Yên hiện nay), Mỹ Hào và Văn Giang; 04 thành phố: Văn Lâm, Yên Mỹ, Kim Động và Khoái Châu và 03 thị xã: Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cừ.

- Đến năm 2050, thành phố Hưng Yên trực thuộc Trung ương có 08 quận: Phố Hiến, Văn Giang, Mỹ Hào, Văn Lâm, Yên Mỹ, Kim Động, Khoái Châu và Ân Thi; 02 thị xã: Tiên Lữ và Phù Cừ.

Quy hoạch xây dựng vùng lõi, không gian đô thị xanh của tỉnh tại các địa phương: thành phố Hưng Yên, huyện Kim Động, huyện Khoái Châu, huyện Văn Giang dọc theo Dự án tuyến đường kết nối di sản văn hóa, du lịch phát triển kinh tế dọc sông Hồng và gắn với triển khai Dự án xây dựng và phục dựng Phố Hiến cổ.

## **VI. TRỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG ĐVHC THỰC HIỆN SẮP XẾP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Thực trạng và số lượng các ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025:**

Tỉnh Hưng Yên có 10 huyện, thị xã, thành phố. Giai đoạn 2023-2025, tỉnh Hưng Yên không có ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp và không thực hiện khuyến khích sắp xếp ĐVHC cấp huyện nào.

### **2. Thực trạng và số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện xếp giai đoạn 2023-2025:**

**2.1. Số lượng ĐVHC cấp xã:** Tỉnh Hưng Yên hiện có 161 ĐVHC cấp xã, gồm: 14 phường, 08 thị trấn, 139 xã.

**2.2. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp:** Căn cứ quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030 và các số liệu tính đến 31/12/2022, tỉnh Hưng Yên có **35** ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025, gồm: 03 phường, 01 thị trấn, 31 xã.

**2.3. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp:**

Căn cứ quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15; điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các số liệu tính đến 31/12/2022, tỉnh Hưng Yên có 10 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025 nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp, gồm: **10** ĐVHC (09 xã, 01 phường).

**2.4. Số lượng ĐVHC cấp xã thuộc diện khuyến khích sắp xếp:** Không.

**2.5. Số lượng ĐVHC cấp xã liền kề có điều chỉnh địa giới ĐVHC khi thực hiện phương án sắp xếp:** Khi thực hiện sắp xếp 25 ĐVHC này tác động tới 17 ĐVHC liền kề, gồm 02 thị trấn và 15 xã: Tổng 42 ĐVHC cấp xã.

## VII. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ GIAI ĐOẠN 2023-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Thực hiện Phương án số 18/PA-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Hưng Yên.

Được sự phân công của Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, tôi xin trình bày những nội dung cơ bản của Phương án số 18 và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

Ngày 22/01/2024, UBND tỉnh ban hành Phương án số 18/PA-UBND về Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2023-2025. Phương án sắp xếp của tỉnh thực hiện theo sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất của Tỉnh ủy và đảm bảo phù hợp, đồng bộ với quy hoạch tỉnh, quy hoạch nông thôn, quy hoạch đô thị nhằm xây dựng tỉnh Hưng Yên đến năm 2030 cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương với 05 thành phố (Hưng Yên, Mỹ Hào, Văn Giang, Văn Lâm, Yên Mỹ); 02 thị xã (Kim Động, Khoái Châu); 03 huyện (Tiên Lữ, Phù Cù, Ân Thi). Đến năm 2037, tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (đô thị loại I) với 03 quận (Phố Hiến, Mỹ Hào, Văn Giang); 04 thành phố (Văn Lâm, Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động) và 03 thị xã (Ân Thi, Tiên Lữ, Phù Cù).

Theo Phương án số 18, tỉnh Hưng Yên không có ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025, có 35 ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2023-2025, gồm 03 phường, 01 thị trấn và 31 xã.

Trong đó:

- Số ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp nhưng có yếu tố đặc thù nên không thực hiện sắp xếp: **10 đơn vị** (09 xã, 01 phường).

- Số ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: **25 đơn vị** (02 phường, 01 thị trấn, 22 xã).

- Số ĐVHC hình thành mới sau sắp xếp: **20 ĐVHC** (01 phường, 03 thị trấn, 16 xã);

- Số ĐVHC giảm do sắp xếp: **22 đơn vị** (01 phường, 21 xã).

- Số ĐVHC cấp xã còn lại của tỉnh sau sắp xếp: **139 đơn vị** (8 thị trấn, 13 phường, 118 xã).

### 1. ĐVHC thuộc diện sắp xếp, có yếu tố đặc thù đề nghị không sắp xếp:

Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15, tỉnh Hưng Yên có 10 ĐVHC đặc thù:

Stt	Tên Huyện, TX, TP	Tên ĐVHC đặc thù	Yếu tố đặc thù
1	<b>TP. HƯNG YÊN</b> (04 đơn vị)	Phường Hồng Châu	Yếu tố văn hóa
2		Xã Hoàng Hanh	Quy hoạch đô thị
3		Xã Bảo Khê	Quy hoạch đô thị
4		Xã Hùng Cường	Quy hoạch đô thị
1	<b>H. KHOÁI CHÂU</b> (02 đơn vị)	Xã Ông Đình	Ổn định trước năm 1945
2		Xã Đông Ninh	Ổn định trước năm 1945
1	<b>H. AN THI</b> (02 đơn vị)	Xã Tiền Phong	Ổn định trước năm 1945
2		Xã Cẩm Ninh	Ổn định trước năm 1945
1	<b>TX. MỸ HÀO</b> (02 đơn vị)	Xã Xuân Dục	Quy hoạch đô thị
2		Xã Hưng Long	Quy hoạch đô thị

## 2. Đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp

Số ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp trên địa bàn tỉnh là 25 đơn vị (02 phường, 01 thị trấn, 22 xã), trong đó: Có 18 ĐVHC hình thành từ việc sắp xếp 02 ĐVHC, có 02 ĐVHC hình thành từ việc sắp xếp 03 ĐVHC; có 01 ĐVHC hình thành từ việc sắp xếp 02 ĐVHC đô thị, 03 ĐVHC hình thành từ việc sắp xếp ĐVHC nông thôn với ĐVHC đô thị và 16 ĐVHC hình thành từ việc sắp xếp các ĐVHC nông thôn. Có 43 ĐVHC bị ảnh hưởng từ việc sắp xếp 25 ĐVHC. Cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị hành chính	Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên (Km <sup>2</sup> )			Tiêu chuẩn về quy mô dân số (Người)		
		Quy định	Sau sắp xếp	Tỷ lệ % so với quy định	Quy định	Sau sắp xếp	Tỷ lệ % so với quy định
<b>I</b>	<b>TP. HƯNG YÊN</b>						
1	Phường Quang Trung - Lê Lợi	5,5	1,43	26,00	7.000	18.664	266,63
2	Xã Phương Chiêu - Hồng Nam	21	6,16	29,33	8.000	11.227	140,34
<b>II</b>	<b>HUYỆN KHOÁI CHÂU</b>						
1	TT. Khoái Châu - Bình Kiều	14	8,55	61,07	8.000	16.870	210,88
2	Xã Hàm Tử - Dạ Trạch	21	8,37	39,86	8.000	13.979	174,74
3	Xã Hồng Tiến - Đông Tiến	21	9,24	43,98	8.000	17.737	221,71
4	Xã Đại Hưng - Chí Tân	21	7,77	37,00	8.000	14.217	177,71
5	Xã Thành Công - Nhuế Dương	21	7,96	37,90	8.000	12.534	156,68
<b>III</b>	<b>HUYỆN YÊN MỸ</b>						
1	Thị trấn Yên Mỹ - Trung Hưng	14	7,47	53,36	8.000	27.617	345,21
2	Xã Giai Phạm - Nghĩa Hiệp	21	9,28	44,19	8.000	17.559	219,49
3	Xã Lý Thường Kiệt - Tân Việt	21	11,77	56,03	8.000	17.675	220,94
4	<i>Xã Minh Châu - Yên Hòa - Việt Cường</i>	<i>21</i>	<i>9,68</i>	<i>46,10</i>	<i>8.000</i>	<i>17.232</i>	<i>215,40</i>
<b>IV</b>	<b>HUYỆN KIM ĐỘNG</b>						
1	Xã Phú Thịnh - Thọ Vinh	21	8,29	39,48	8.000	14.291	178,64
2	Xã Nhân La - Vũ Xá	21	8,30	39,52	8.000	10.003	125,04
<b>V</b>	<b>HUYỆN AN THI</b>						
1	Xã Đa Lộc - Văn Nhuệ	21	12,12	57,69	8.000	11.281	141,02
2	Xã Quang Vinh - Tân Phúc	21	10,29	48,98	8.000	12.504	156,30
3	Xã Hồng Vân - Hồng Quang	21	7,92	37,71	8.000	12.047	150,59
<b>VI</b>	<b>HUYỆN PHÙ CÙ</b>						
1	Xã Minh Tiến - Tiên Tiến	21	10,69	50,93	8.000	10.454	130,68
<b>VII</b>	<b>HUYỆN TIÊN LŨ</b>						
1	<i>Thị trấn Vương - Dị Chế - Ngô Quyền</i>	<i>14</i>	<i>13,93</i>	<i>99,49</i>	<i>8.000</i>	<i>21.084</i>	<i>263,56</i>
2	Xã Cương Chính - Minh Phượng	21	10,17	48,43	8.000	12.718	158,98
3	Xã Hải Triều - Đức Thắng	21	9,32	44,38	8.000	10.882	136,03

### **2.1. Huyện Khoái Châu:**

Huyện Khoái Châu có 06 ĐVHC thuộc diện sắp xếp, gồm các xã: Nhuế Dương, Dạ Trạch, Đồng Tiến, Đại Hưng, Chí Tân, Bình Kiều; chia thành 05 cặp sắp xếp như sau:

- Nhập nguyên trạng xã Đồng Tiến và xã Hồng Tiến, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 43,98% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 221,71% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Nhuế Dương và xã Thành Công, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 37,90% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 156,68% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Dạ Trạch và xã Hàm Tử, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 39,9% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 175% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Bình Kiều và thị trấn Khoái Châu, thành lập thị trấn Khoái Châu mới. Sau sắp xếp, thị trấn Khoái Châu mới có diện tích tự nhiên đạt 61,06% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 210,87% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Đại Hưng và xã Chí Tân, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 37,01% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 177,72% so với tiêu chuẩn.

### **2.2. Huyện Yên Mỹ:**

Huyện Yên Mỹ có 06 ĐVHC phải sắp xếp, gồm các xã: Nghĩa Hiệp, Tân Việt, Minh Châu, Trung Hưng, Việt Cường, Yên Hòa; chia thành 04 cặp sắp xếp như sau:

- Nhập nguyên trạng xã Nghĩa Hiệp và xã Giai Phạm, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 44,23% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 219,49% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Tân Việt và xã Lý Thường Kiệt, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 56,05% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 220,94% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Trung Hưng và thị trấn Yên Mỹ, thành lập thị trấn Yên Mỹ mới. Sau sắp xếp, thị trấn Yên Mỹ mới có diện tích tự nhiên đạt 53,32% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 345,21% so với tiêu chuẩn.

ĐVHC sau sắp xếp đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

- Nhập nguyên trạng 03 xã: xã Yên Hòa, xã Minh Châu và xã Việt Cường thành lập xã mới. Cả 3 xã đều thuộc diện sắp xếp giai đoạn 2023-2025. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 46,08% so với tiêu chuẩn xã, quy mô dân số đạt 215,40% so với tiêu chuẩn.

### **2.3. Huyện Kim Động:**

Huyện Kim Động có 02 ĐVHC phải sắp xếp: Nhân La, Thọ Vinh. Chia thành 02 cặp sắp xếp, cụ thể như sau:

- Nhập nguyên trạng xã Nhân La và xã Vũ Xá, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 39,52% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 125,03% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Thọ Vinh và xã Phú Thịnh, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 39,48% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 178,63% so với tiêu chuẩn.

#### **2.4. Huyện Ân Thi:**

Huyện Ân Thi có 03 ĐVHC phải sắp xếp: Hồng Quang, Tân Phúc, Văn Nhuệ, chia thành 03 cặp sắp xếp như sau:

- Nhập nguyên trạng xã Văn Nhuệ và xã Đa Lộc, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 57,69% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 141,02% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Tân Phúc và xã Quang Vinh, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 48,98% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 156,30% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Hồng Quang và xã Hồng Vân, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 37,71% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 150,59% so với tiêu chuẩn.

#### **2.5. Huyện Phù Cừ:**

Huyện Phù Cừ có 01 ĐVHC phải sắp xếp: xã Tiên Tiến, phương án sắp xếp như sau: Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Tiên Tiến và xã Minh Tiến, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 50,93% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 130,68% so với tiêu chuẩn.

#### **2.6. Huyện Tiên Lữ:**

Huyện Tiên Lữ có 03 ĐVHC phải sắp xếp: Thị trấn Vương, xã Minh Phượng và Đức Thắng, chia thành 03 cặp sắp xếp như sau:

- Nhập nguyên trạng xã Minh Phượng và xã Cương Chính, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 48,44% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 158,98% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Đức Thắng và xã Hải Triều, thành lập xã mới. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 44,37% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số đạt 136,03% so với tiêu chuẩn.

- Nhập nguyên trạng xã Dị Ché, thị trấn Vương và xã Ngô Quyền thuộc huyện Tiên Lữ. Sau sắp xếp, thị trấn mới có diện tích tự nhiên đạt 99,49% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 263,56% so với tiêu chuẩn.

#### **2.7. Thành phố Hưng Yên:**



Thành phố Hưng Yên có 04 ĐVHC phải sắp xếp: phường Quang Trung, phường Lê Lợi, xã Hồng Nam, xã Phương Chiểu, phương án sắp xếp như sau:

- Nhập nguyên trạng phường Quang Trung và phường Lê Lợi. Sau sắp xếp, phường mới có diện tích tự nhiên đạt 24,18% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 266,63% so với tiêu chuẩn.

- Nhập phần diện tích tự nhiên 2,49km<sup>2</sup> (khu vực 1) và toàn bộ quy mô dân số (khu vực 2 không có dân) của xã Phương Chiểu vào xã Hồng Nam. Sau sắp xếp, xã mới có diện tích tự nhiên đạt 29,5% so với tiêu chuẩn, quy mô dân số đạt 140,33% so với tiêu chuẩn.

- Nhập 0,05km<sup>2</sup> của xã Phương Chiểu (khu vực 2 tách rời) vào xã Liên Phương để giải quyết bất cập trong quản lý địa giới hành chính (Khu vực 1 của xã Phương Chiểu đã sáp nhập với xã Hồng Nam). Xã Liên Phương sau điều chỉnh có diện tích tự nhiên 5,56km<sup>2</sup>, quy mô dân số 9.832 người.

Việc điều chỉnh khu vực 2 của xã Phương Chiểu nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền các xã, đảm bảo phù hợp với khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15.

## **VIII. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Về ban hành các văn bản hướng dẫn trong thực hiện sắp ĐVHC**

Hiện nay, một số cơ quan, ban, ngành tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện sắp xếp ĐVHC theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Các cơ quan có liên quan còn lại ban hành dự kiến ban hành trong Quý II/2024.

### **2. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp ĐVHC**

2.1. Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế: Quy định chế độ tinh giản biên chế, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp ĐVHC.

- Đối với người nghỉ hưu trước tuổi (*khoản 2 Điều 5 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP*):

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

+ Được trợ cấp 03 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu;

+ Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương

- Đối với người nghỉ thôi việc ngay (*khoản 1 Điều 7 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP*):

+ Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

- Đối tượng cán bộ, công chức cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ (*khoản 1 Điều 8 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP*):

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu;

+ Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

- Đối tượng là nữ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư nghỉ công tác do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định mà có đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau: (*khoản 2 Điều 8 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP*).

+ Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; được hưởng trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân;

+ Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định.

- Đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp ĐVHC nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp, ngoài hưởng một trong các chính sách quy định tại các điểm nêu trên còn được hưởng thêm mức trợ cấp như sau: (*khoản 1 Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP*)

(1) Đối với cán bộ: Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng; nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng; riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên;

(2) Đối với công chức, viên chức: Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với

thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng; nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức trợ cấp bằng 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng; Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên

- Đối là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp như sau: (Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP)

(1) Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên;

(2) Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh không do bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

2.2. Nghị quyết số 439/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: Quy định chế độ hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp.

a) Có thời gian tham gia công tác giữ các chức danh từ 01 năm liên tục trở lên thì được hưởng 3 tháng phụ cấp (mức hỗ trợ) hiện hưởng (không tính phụ cấp kiêm nhiệm) và tiếp tục được hưởng hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế (nếu đang thực hiện) theo quy định cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm mà đối tượng nghỉ công tác....

b) Công an viên có 15 năm công tác liên tục trở lên, nghỉ công tác vì lý do chính đáng thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và không được hưởng chế độ khi nghỉ công tác quy định tại Nghị quyết này.

c) Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội, có thời gian công tác liên tục từ 60 tháng trở lên, khi nghỉ việc thì được trợ cấp một lần theo Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019; Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và các văn bản hướng dẫn thi hành; không được hưởng chế độ khi nghỉ công tác quy định tại Nghị quyết này.

d) Không áp dụng chính sách hỗ trợ đối với trường hợp cán bộ, công chức cấp xã thôi kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2.3. Hiện nay, tình hình xây dựng chế độ hỗ trợ của tỉnh đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp ĐVHC (đã lần ý kiến lần 2).

3. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận Bộ Chính trị, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các quy định của pháp luật, của Tỉnh ủy về sắp xếp các ĐVHC, tạo sự thống nhất trong nhận thức, tư tưởng chính trị và sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4. Tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương để giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh và các bộ, ngành, cơ quan; chỉnh sửa, hoàn thiện, trình Chính phủ xem xét, phê duyệt Đồ án quy hoạch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong tháng 1/2024; bảo đảm gắn kết quy hoạch đô thị với quy hoạch ĐVHC cấp huyện, cấp xã tích hợp trong Quy hoạch tỉnh theo định hướng đưa Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2037.

5. Rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chung vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, chương trình phát triển đô thị và phân loại đô thị theo quy định của pháp luật (*hoàn thành trước ngày 30/4/2024*) để hỗ trợ triển khai Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC giai đoạn 2023-2025, nhất là đối với các ĐVHC nông thôn thuộc diện phải sắp xếp nhưng đề nghị cấp có thẩm quyền không sắp xếp vì được quy hoạch là ĐVHC đô thị

6. Hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù đối với ĐVHC hình thành sau sắp xếp, bao gồm cả việc công nhận xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

7. Thực hiện rà soát, xây dựng và triển khai phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị ở các ĐVHC sắp xếp gắn với việc thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 208-KH/TU ngày 07/7/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

8. Phân đầu hoàn thành việc sắp xếp ĐVHC cấp xã trước ngày 30/9/2024.

9. Thực hiện nghiêm túc chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp ĐVHC.

10. Rà soát, có giải pháp điều chỉnh, xử lý dứt điểm đối với các thôn, tổ dân phố không đủ tiêu chuẩn, các đơn vị có tranh chấp về địa giới hành chính hoặc địa hình chia cắt, không thuận lợi cho sinh hoạt của người dân, cản trở phát triển kinh tế - xã hội và công tác quản lý của chính quyền địa phương.

11. Các nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới.

(Theo phụ lục đính kèm)

---

**PHỤ LỤC**

**Lộ trình thực hiện nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025**  
 (Kèm theo báo cáo số /BC-SNV ngày 3/2024 của Sở Nội vụ)

STT	TÊN NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	SẢN PHẨM
1	Hoàn thiện Dự thảo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã thuộc địa bàn quản lý (Đề án chung của huyện)	UBND các huyện, thành phố	Sở Nội vụ	Trước 15/3/2024	Dự thảo Đề án
2	Xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Đề án sắp xếp cụ thể của từng cấp ĐVHC thuộc địa bàn quản lý	UBND các huyện, thành phố	Các xã, phường, thị trấn	Trước khi tổ chức lấy ý kiến cử tri (30/3/2024)	Dự thảo Đề án
3	Tổ chức lấy ý kiến cử tri về Đề án sắp xếp của địa phương mình	UBND cấp xã	Sở Nội vụ, cấp huyện các cơ quan, đơn vị có liên quan	Ngày 20/4/2024	Kế hoạch, Công văn,...
4	UBND cấp xã tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn gửi HĐND cùng cấp và UBND cấp huyện	UBND cấp xã	UBND cấp huyện, HĐND cấp xã	Trước 25/4/2024	Biên bản, báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến cử tri
5	HĐND cấp xã thông qua chủ trương sắp xếp của địa phương mình	HĐND cấp xã	UBND cấp huyện, cấp xã có liên quan	Trước 26/4/2024	Nghị quyết

6	HĐND cấp huyện thông qua chủ trương sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 thuộc địa bàn quản lý	HĐND cấp huyện	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước 05/5/2024	Nghị quyết
7	UBND cấp huyện hoàn thiện Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn quản lý, hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Nội vụ	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ, UBND cấp xã	Trước 07/5/2024	Đề án
8	Tổng hợp, hoàn thiện Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025, trình BCS Đảng và UBND tỉnh	Sở Nội vụ	UBND cấp huyện	10/5/2024	Đề án
9	Báo cáo Thường trực, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Đề án tổng thể	Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh	Sở Nội vụ	15/5/2024	Báo cáo
10	HĐND tỉnh thông qua Đề án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội & HĐND tỉnh	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	25/5/2024	Nghị quyết
11	Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nội vụ thẩm định Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2023-2025	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trước 01/6/2024	Hồ sơ trình
12	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của UBNDTV Quốc hội về phê duyệt Đề án sắp xếp ĐVHC của tỉnh	Sở Nội vụ	Các sở, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã (thuộc diện phải sắp xếp)	Hoàn thiện Dự thảo Kế hoạch trước 10/5/2024 (kèm hồ sơ Đề án)	Kế hoạch

				gửi Bộ Nội vụ) và kí ban hành Kế hoạch sau khi có ý kiến của Ủy ban TVQH về Đề án của tỉnh	
13	Thực hiện việc lập mới, chỉnh lý hồ sơ địa chính, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC cấp huyện, cấp xã sau sắp xếp	Sở Nội vụ, Sở Tài nguyên & Môi trường	UBND cấp huyện, cấp xã	Quý I/2025	Hồ sơ, Bản đồ địa giới ĐVHC
14	Trình phân loại ĐVHC cấp xã sau sắp xếp	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Quý I/2025	Hồ sơ trình phân loại
15	Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức thuộc lĩnh vực tư pháp	Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2025	Hướng dẫn, Kế hoạch, Công văn, Tờ trình
16	Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ lĩnh vực Công an, quân sự	Công an tỉnh, Công an cấp huyện			
17	Thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ lĩnh vực tài nguyên, môi trường	Sở Tài nguyên & Môi trường, UBND cấp huyện			
18	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC	UBND cấp huyện, cấp xã			
19	Thu hồi con dấu cũ, khắc dấu mẫu mới của cơ quan, tổ chức và việc	Công an tỉnh	Công an và UBND cấp huyện, cấp xã		



	chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân sau sắp xếp				
20	Triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM đối với các ĐVHC hình thành sau sắp xếp	UBND cấp huyện	Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn	Quý I/2025	Hướng dẫn, Kế hoạch, Công văn, Tờ trình
21	Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm bền vững đối với ĐVHC hình thành sau sắp xếp	UBND cấp huyện	Sở Lao động, Thương binh & Xã hội		
22	Báo cáo sơ kết thực hiện việc sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện	Trước 30/9/2025	Báo cáo; Hội nghị
23	Sơ kết việc sắp xếp, điều chỉnh ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025				